TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Bà Lê Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé S, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Bùi Thị T, xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/9/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị Bé S trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống, do ông T thường hay chửi bới xúc phạm bà nên năm 2015 bà đã bỏ về cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Có hai đứa con tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21/7/2009, giới tính nữ và Trần Thị Kim P, sinh ngày 01/10/2011, giới tính nữ. Ly hôn bà xin được nuôi hai đứa con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Lê Văn T thường hay đi biển không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của quy định.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Bé S và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân nhau từ năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé S và ông Lê Văn T. Về con chung giao hai đứa con tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21/7/2009 và Trần Thị Kim P, sinh ngày 01/10/2011 cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của các con, ghi nhận ý kiến của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng, về tài sản chung, về nợ chung không có. Về án phí bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Văn T cư trú tại khu phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Bé S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bé S và ông Lê Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông bà chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân trên không có giá trị pháp

lý. Xét thấy, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, quan hệ hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé S và ông Lê Văn T.

[4] Về con chung: Có hai đứa con tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21/7/2009, giới tính nữ và Trần Thị Kim Ph, sinh ngày 01/10/2011, giới tính nữ. Ly hôn, bà S xin được nuôi hai đứa con đến tuổi trưởng thành, ý kiến của các con cũng đồng ý sống cùng với bà S. Do đó, cần giao cháu C và Ph cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Bé S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bé S và ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 21/7/2009, giới tính nữ và Trần Thị Kim Ph, sinh ngày 01/10/2011, giới tính nữ cho bà Trần Thị Bé S nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Bà S và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Trần Thị Bé S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004823 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên bà không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên